

# CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI - XUẤT NHẬP KHẨU VŨ NGUYỄN

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI - XUẤT NHẬP KHẨU VŨ NGUYỄN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VU NGUYEN SERVICE TRADING IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH DVTM XNK VŨ NGUYỄN

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109595588

**3. Ngày thành lập:** 14/04/2021

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà D2, ngõ 87 Tam Trinh, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989337386

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                      | 3312     |
| 2.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                          | 3313     |
| 3.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                          | 3314     |
| 4.  | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)       | 3315     |
| 5.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                         | 3320     |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                           | 4321     |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                           | 4322     |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                  | 4329     |
| 9.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                  | 4330     |
| 10. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                             | 4390     |
| 11. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đầu giá)                                | 4511     |
| 12. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                     | 4512     |
| 13. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đầu giá)                                  | 4513     |
| 14. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                  | 4520     |
| 15. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đầu giá) | 4530     |
| 16. | Bán mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đầu giá)                                                  | 4541     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4542        |
| 18. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4543        |
| 19. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4649        |
| 20. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4610        |
| 21. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4651        |
| 22. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4652(Chính) |
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4653        |
| 24. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi;<br>- Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp;<br>- Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động;<br>- Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp;<br>- Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế;<br>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;<br>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;<br>- Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may;<br>- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế và khẩu trang y tế (Nghị định 36/2016/NĐ-CP và Nghị định 169/2018/NĐ-CP). | 4659        |
| 25. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4663        |
| 26. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4741        |
| 27. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4742        |
| 28. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4752        |
| 29. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4759        |
| 30. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4763        |
| 31. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4764        |
| 32. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4783        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 33. | Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành                                                                                                                                                                                                                    | 4921 |
| 34. | Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh                                                                                                                                                                                           | 4922 |
| 35. | Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe buýt để đưa đón công nhân, học sinh theo lịch trình, giờ cố định, các điểm đỗ cố định để đón, trả khách.                                                                         | 4929 |
| 36. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng taxi<br>- Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác                                                                | 4931 |
| 37. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh                                                                                                                                                            | 4932 |
| 38. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                        | 5210 |
| 39. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                                                                                                                           | 5221 |
| 40. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy<br>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải đường thủy nội địa                                                                                                                           | 5222 |
| 41. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                   | 5224 |
| 42. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                            | 5225 |
| 43. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển<br>- Logistics<br>- Môi giới thuê phương tiện vận tải bộ;<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; | 5229 |
| 44. | Chuyên phát                                                                                                                                                                                                                                                        | 5320 |
| 45. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                             | 7710 |
| 46. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                      | 7721 |
| 47. | Cho thuê băng, đĩa video                                                                                                                                                                                                                                           | 7722 |
| 48. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                                                                                                          | 7729 |
| 49. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                     | 7730 |
| 50. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                          | 9511 |
| 51. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                         | 9512 |
| 52. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                                                                                       | 9521 |
| 53. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                                                                                                                | 9522 |
| 54. | Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                  | 9529 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                              | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ MINH PHƯƠNG       | 67 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân Bình, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam                               | 450.000.000           | 45,000    | 030091005627                                                                                                                                      |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG | Đội 4, Thôn 2, Xã Ông Đình, Huyện Khoái Châu , Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam                                            | 350.000.000           | 35,000    | 145602289                                                                                                                                         |         |
| 3   | VŨ CÔNG DƯƠNG        | Căn 2208 T05 KĐT Vinhomes TimeCity, 458 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 200.000.000           | 20,000    | 033081003580                                                                                                                                      |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: **VŨ MINH PHƯƠNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 11/12/1991      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 030091005627

Ngày cấp: 15/10/2018 Nơi cấp: Cục ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 67 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân Bình, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 1/70 Thanh Lâm, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội